

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/07/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP1+C1O	7:25	6+16	0+0		0+20	0+0	
2		BK3+TD3+P2	7:25	3+18+1	0+0+0		0+19+2	0+0+0	
3		TD2	7:25	15	0		18	0	
4		TD1+RC5	9:25	19+2	0+0		14+6	0+0	
5		TTC2+TD5	9:25	4+15	0+0		2+14	0+0	
6		P9+P8	11:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
7		P10+P9	11:25	13+9	0+0		3+5	0+0	
8		SAVR+TD2	11:25	3+9	0+0		0+0	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 NG c/o VỀ ĐI TD1



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 13/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: RP1 - CLO	CREW: DƯƠNG - NPHÚ - VŨ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1	VNHS FLIGHT: TM26/3112		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HẠ XUÂN BÌNH	RP1	19-20	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐOÀN NGỌC THANH	RP1	24-25	2	20			82	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN THÀNH HIỂN	RP1	27	1	13	1	13	80	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC NAM	RP1	28-29	2	17	3	50	72	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM TIẾN TUỜNG	RP1	21-22	2	13			59	XAYLAP	Vietnamese
6	HÀ QUỐC VINH	RP1	30-31	2	11			73	PSV	Vietnamese
7	VÕ MINH KHANG	RP1	23	1	11			60	DUY LINH	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN BÓN	CLO	86	1	6			64	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN TAM	CLO						65	KHOAN	Vietnamese
10	CAO VĂN VIỆT	CLO	94	1	4			74	KHOAN	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN NAM	CLO	87	1	12			79	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ MINH TÚ	CLO	88	1	4			72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH BÌNH	CLO	91	1	7			78	KHOAN	Vietnamese
14	ĐINH ĐỨC TIẾN	CLO	95	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN CẢNH LUYỆN	CLO	89-90	2	18			70	KHOAN	Vietnamese
16	VĂN ĐÌNH QUANG	CLO	92-93	2	11	1	10	63	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TRUNG	CLO						72	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CAO	CLO	98	1	16			63	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN LÊM	CLO	97	1	13			67	CODIEN	Vietnamese
20	MAI ĐÌNH KHANG	CLO	700	1	11	4	31	52	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN TRUNG PHONG	CLO	99	1	9			70	CODIEN	Vietnamese
22	HỒ MINH PHÚC	CLO	96	1	4			78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	7	489	12	105	4	63	0		
2	CLO	15	1.044	15	121	5	41	22		
TOTAL		22	1.533	27	226	9	104	22		
WEIGHT KG			1.533		226		104			

GRAND TOAL: 1.863 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 13/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:45
B.CARD: VANG-1	TO: TD2	CREW: TRƯỞNG - VƯƠNG	ETA: 10:45
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/3096	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN SỸ HIẾU	TD2	22	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ QUANG CƯỜNG	TD2	11	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THÀNH ANH	TD2	20	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ ANH QUÂN	TD2	24	1	8			76	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN QUANG HUY	TD2	25	1	6			70	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN MAI NAM	TD2	27	1	4			79	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG HẢO	TD2	26	1	8			86	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM THANH GIANG	TD2	21	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ BẢ CHIẾN	TD2	19	1	8			81	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN TRIỆU	TD2	29	1	9			66	NAM TIẾN	Vietnamese
11	VŨ VĂN THƯỢNG	TD2	28	1	7			63	NAM TIẾN	Vietnamese
12	TRỊNH HỒNG SƠN	TD2	17	1	5			62	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ HỮU HÙNG	TD2	23	1	13			76	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM HỮU HUÂN	TD2	18	1	10			63	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN MINH	TD2	12-13	2	16			83	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG THÁI	TD2	14-16	3	19			71	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	16	1.177	19	130	0	0	18		
TOTAL		16	1.177	19	130	0	0	18		
WEIGHT KG			1.177		130		0			

GRAND TOAL: 1.307 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

DƯƠNG VĂN TRƯỞNG
TRẦN HÙNG VƯƠNG





Điện thoại: 0918532945

Đường bay: TĐ02-VT

HÀNH KHÁCH:

HÀNG HÒA:

Ghi chú:

Đại diện gián:

Phi công trường:

Nguyễn Văn Hùng

Tổng cộng	0	0
Mô tả	Số lượng	Trọng lượng
Hành khách	18	1368
Hành lý	19	130
Hàng hóa	0	0
Tổng cộng	37	1498



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: BK3 - TD3 - P2	CREW: HUNG - MTHAO - NNAM	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/3115	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LAI ANH TUAN	BK3	81	1	17			104	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐẠI KHOA	BK3	82	1	14	3	72	68	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TRUNG HIẾU	BK3	79	1	8	1	14	74	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM HÙNG DƯƠNG	TD3	30	1	4			97	KHOAN	Vietnamese
5	ĐÀO TIẾN THIẾT	TD3	35	1	12	1	12	52	KHOAN	Vietnamese
6	LÂM VĂN ĐẠT	TD3	32-33	2	11			72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN PHI HÙNG	TD3	37	1	6			84	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN HẢI	TD3	23	1	7			79	KHOAN	Vietnamese
9	OLENIK IVAN	TD3	22	1	4			75	KHOAN	Russian
10	CHU VĂN THẮNG	TD3	28	1	10			70	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN HỮU THỌ	TD3	27	1	7			80	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM DƯƠNG HẢI	TD3	31	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ XUÂN THẮNG	TD3	39	1	7	1	18	81	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	TD3	41	1	5			86	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THUẬN	TD3	42-43	2	16			75	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ VĂN NGHĨA	TD3	29	1	8			65	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC TRỌNG	TD3	26	1	13			70	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN DU	TD3	24	1	4			58	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN HOÀNG LONG	TD3	25	1	12			67	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN TUÂN HẢI	TD3	40	1	4			62	PSV	Vietnamese
21	QUÁCH ĐẮC THẠN	TD3	34	1	3			49	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK3	3	246	3	39	4	86	1		
2	TD3	18	1.289	20	139	2	30	19		
3	P2	0	0	0	0	1	20	2		
TOTAL		21	1.535	23	178	7	136	22		
WEIGHT KG			1.535		178		136			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 13/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: VANG-2	TO: TD1 - RC5	CREW: DƯƠNG - NPHÚ - TÚ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4	VNHS FLIGHT: TM26/3113		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BÙI VĂN NINH	TD1						83	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC DŨNG	TD1	32-33	2	16			62	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1						76	KHOAN	Vietnamese
4	ĐINH VĂN TRỌNG	TD1	26-27	2	7	1	20	73	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM ĐỨC TUẤN	TD1	25	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
6	HOÀNG ANH TUẤN	TD1	24	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN SÁNG	TD1	31	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
8	BADRETDINOV EDGAR	TD1	28	1	5			76	KHOAN	Russian
9	MAZIN EVGENII	TD1	35-36	2	19			67	ĐẠI LÂM-TSS	Russian
10	MALYSHKIN NIKITA	TD1	29-30	2	15			88	ĐẠI LÂM-TSS	Russian
11	DUTKO VASILII	TD1	43-44	2	19			95	ĐẠI LÂM-TSS	Russian
12	SHARIPOV RISHAT	TD1	41-42	2	19			72	ĐẠI LÂM-TSS	Russian
13	SERGEI CHAGIN	TD1	21-22	2	16			74	KIM THIẾT	Russian
14	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	TD1	23	1	10			62	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD1	20	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
16	MAI ANH TUẤN	TD1	34	1	8			74	KHOAN	Vietnamese
17	VÕ NGỌC THÁI SƠN	TD1	46-47	2	19			78	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC TÙNG	TD1	38-39	2	13			73	CODIEN	Vietnamese
19	PHAN THANH TÀI	TD1	37	1	10			63	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN THE HUY**	TD1	45	1	18			75	CODIEN	Vietnamese
21	HÀ VĂN HẢI	RC5	38-40	3	19	1	10	73	BA SON	Vietnamese
22	TRẦN CAO KHÁ	RC5	41	1	10			68	BA SON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	20	1.489	27	214	1	20	14		
2	RC5	2	141	4	29	1	10	6		
TOTAL		22	1.630	31	243	2	30	20		
WEIGHT KG			1.630		243		30			

GRAND TOAL: 1.903 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 13/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:00
B.CARD: TRANG-2	TO: TTC2 - TD5	CREW: KHOAN - N.ANH - HIẾU	ETA: 13:00
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/3116	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐÀO ĐỨC THÁI	TTC2	60	1	16			90	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ QUANG HÙNG	TTC2	29-30	2	16			76	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN ĐỖ CHÂU TUẤN	TTC2	61	1	17			101	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ANH TUẤN	TTC2	27-28	2	13			72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ VĂN HUY	TD5	39-40	2	10			74	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ LONG PHI	TD5	37	1	12			69	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	34	1	9			76	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN SINH	TD5	41-42	2	13			66	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	35	1	5			62	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HOÀNG LINH	TD5	45	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRƯỜNG THIÊN	TD5	46	1	11			88	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NAM (CV)	TD5	44	1	16			73	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	TD5	38	1	15			75	DVL	Vietnamese
14	LÊ VĂN THẮNG	TD5	43	1	13			76	DVL	Vietnamese
15	MAI VĂN DƯƠNG	TD5	36	1	13			84	DVL	Vietnamese
16	ĐẶNG VĂN CHUNG	TD5	31-32	2	18			70	DVL	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HIỆP	TD5	33	1	15			76	DVL	Vietnamese
18	CAO KINH THAO	TD5	47	1	15	1	9	70	T-TIN	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU ĐỨC	TD5	49	1	16	2	29	78	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC2	4	339	6	62	0	0	2		
2	TD5	15	1.110	18	187	3	38	14		
TOTAL		19	1.449	24	249	3	38	16		
WEIGHT KG			1.449		249		38			

GRAND TOAL: 1.736 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 13/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: <u>Vãng - 3</u>	TO: P9 - P8	CREW: QVIỆT - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 6	VNHS FLIGHT: TM26/3114		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRINH THE NHAN	P9	91-92	2	16			71	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM CONG TUAN	P9	94	1	6			57	PSV	Vietnamese
3	DUONG VIET DUNG	P9	93	1	7			50	psv	Vietnamese
4	GUSEINOV MAXIM	P8	33-35	3	17			87	KHOAN	Russian
5	PHAM VAN HANH	P8	43-44	2	15			85	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN XUAN	P8	36	1	6			59	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG THUY	P8						67	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN DAM	P8	42-43	2	8			78	KHOAN	Vietnamese
9	VY HUNG CUONG	P8	45	1	7			72	KHOAN	Vietnamese
10	TRINH DUY KHANH	P8	38	1	4			71	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN NHAN	P8	41	1	11			73	YTE	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HUYNH	P8	46	1	4			62	KHOAN	Vietnamese
13	VY NGOC CHU	P8	40	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM VAN SON	P8	47	1	8			56	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VIET MINH	P8	48	1	2			70	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN DUC ON	P8	39		2			58	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN THANH QUANG	P8	37	1	8	1	15	65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG TRUNG	P8	77-78	2	19			80	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAM DANG DAI	P8	79	1	10			80	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN TUAN ANH	P8	73-74	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI CONG THANH	P8	75-76	2	14			72	XAYLAP	Vietnamese
22	DUONG DANG CUONG	P8	80	1	16			73	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	3	178	4	29	0	0	0		
2	P8	19	1.343	24	175	1	15	22		
TOTAL		22	1.521	28	204	1	15	22		
WEIGHT KG			1.521		204		15			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGUYEN QUANG VIET
NGUYEN MINH DUC





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 13/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: P10 - P9	CREW: KHOAN - N.ANH - HIEU	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/3117	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAM TU ANH	P10	58	1	10			71	CODIEN	Vietnamese
2	PHUNG BA DE	P10	55-57	3	18			71	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN TRI PHUOC	P10	67	1	9	1	7	70	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN TRONG TUAN	P10	63-64	2	18			66	CODIEN	Vietnamese
5	LE VAN NINH	P10	72	1	17	4	40	75	CODIEN	Vietnamese
6	PHAM THE VIET	P10	70	1	12			68	CODIEN	Vietnamese
7	TRINH VAN THUY	P10	71	1	9			68	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN LOC	P10	54	1	10	2	30	62	XAYLAP	Vietnamese
9	LUONG MINH KHUE	P10	65-66	2	12			60	NIPI	Vietnamese
10	NGUYEN KHAC NGUYEN	P10	59	1	6			75	PSV	Vietnamese
11	PHAM MINH TAM	P10	60-61	2	11			62	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN ANH QUANG	P10	68-69	2	8			62	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN DINH CUONG	P10	62	1	5			78	PSV	Vietnamese
14	VO VAN DONG	P9	19	1	9			60	BIEN DONG	Vietnamese
15	VO VAN HUY	P9	22	1	15			62	BIEN DONG	Vietnamese
16	NGUYEN HUU THANG	P9	14-15	2	17			74	BIEN DONG	Vietnamese
17	NGUYEN VAN BAO	P9	17	1	8			51	BIEN DONG	Vietnamese
18	TRAN VIET TUAN	P9	21	1	11			62	BIEN DONG	Vietnamese
19	TRUONG CONG TUAN	P9	16	1	8			74	BIEN DONG	Vietnamese
20	DANG HUU MANH	P9	18	1	8			72	BIEN DONG	Vietnamese
21	NGUYEN VAN QUANG	P9	20	1	4			69	PSV	Vietnamese
22	HOANG VAN TRONG	P9	13	1	7			96	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	13	888	19	145	7	77	3		
2	P9	9	620	10	87	0	0	5		
TOTAL		22	1.508	29	232	7	77	8		
WEIGHT KG			1.508		232		77			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI HONG HA

CREW

DO XUAN HOAN
NGHIEM VIET ANH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 13/07/2026	FROM: VT ² ¹	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:30
B.CARD: XANH-2	TO: SAVR - TD2	CREW: LTUẤN - VƯƠNG	ETA: 14:30
VSP FLIGHT: 8	VNHS FLIGHT: TM26/3097		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN VĂN NGHĨA	SAVR	51	1	15	2	37	83	DVL	Vietnamese
2	TRẦN QUỐC HÙNG	SAVR	49-50	2	12			72	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THƯ	SAVR	48	1	13			64	DVL	Vietnamese
4	PHẠM MINH ĐỨC	TD2	41	1	10			60	VPI	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG THANH	TD2	39-40	2	16	2	45	67	CODIEN	Vietnamese
6	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	TD2	38	1	14			74	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC TOÀN	TD2	33	1	7			83	DVL	Vietnamese
8	LƯƠNG NGỌC HOÀNG	TD2	32	1	8			75	DVL	Vietnamese
9	TRẦN BÁ ĐỨC	TD2	44-45	2	19			87	DVL	Vietnamese
10	TRẦN KHẮC MẠNH	TD2	31	1	4			70	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG DUÂN	TD2	30	1	5			57	PSV	Vietnamese
12	TRINH CONG SON	TD2	36-37	2	14			53	CODIEN	Vietnamese
13	DANG TRONG DUNG	TD2	34-35	2	13			66	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	3	219	4	40	2	37	0		
2	TD2	10	692	14	110	2	45	14		
TOTAL		13	911	18	150	4	82	14		
WEIGHT KG			911		150		82			

GRAND TOAL: 1.143 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

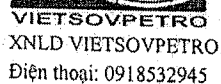
ĐẶNG THỦY ANH

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN

TRẦN HÙNG VƯƠNG





Đường bay: SAVR+TD2

Ngày: 13-07-2026	Nơi xuất phát: TAM DAO-02	Số hiệu máy bay:	Giờ cất cánh: 11:25
Chuyến bay: 2	Nơi đến: VÙNG TÀU	Tổ bay: TD2	Giờ hạ cánh:

Stt	Tên hành khách	Chức vụ	Công ty	Quốc tịch	Danh Số	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	
1	Naushad Kharas	k xiên	Backer hughes	An độ	18641	2	15	77
2	Nguyễn Văn Bình	k xiên	Backer hughes	Việt Nam		2	18	79
3	Mai Huy Tú	Khí	ĐVL	Việt Nam	21263	1	10	54
4	Nguyễn Xuân Hạnh	P.vụ	Petrosetco	Việt Nam		2	14	63
5	Nguyễn Đăng Nam	Nv Bếp	Petrosetco	Việt Nam		1	12	65
6	Lê Hữu Trường	KS	XNCD	Việt Nam		1	5	64
7	Vũ Thanh Bình	KS	XNCD	Việt Nam		2	22	66
8	Hoàng Cao Minh	KS	XNCD	Việt Nam		2	16	65
9	Phan Bảo Long	Kỹ Sư	VSP-XâyLap	Việt Nam		1	7	75
	Số HK đi:							
					Trọng lượng	14	119	608

HÀNG HOÀ:

Stt	Tên hàng hoá	Nơi đến	Số lượng	Trọng lượng
1				
2				
3				
4				

Ghi chú:

Người lập:

Đại diện/ghián:

Phi công trường:

Nguyễn Văn Hùng

Tổng cộng	0	0
Mô tả	Số lượng	Trọng lượng
Hành khách	9	608
Hành lý	14	119
Hàng hóa	0	0
Tổng cộng	23	727